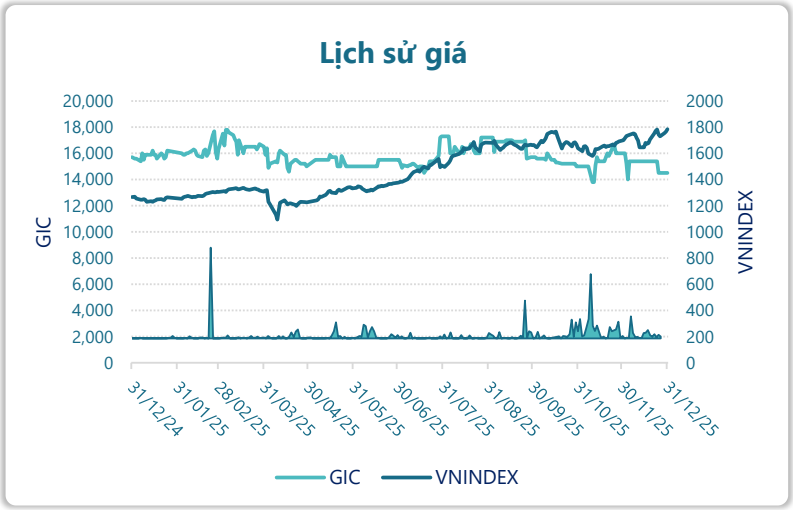
FireAnt

CTCP VSC Green Logistics (HNX: GIC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,800
SL cổ phiếu LH	12,120,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	320
% sở hữu nước ngoài	10.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	176
P/E	12.0
EPS	1,204

DT thuần

Q4/25

41.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00| 2.6%

YoY: ▼2.30| -5.2%

LN sau thuế

Q4/25

4.25

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.75| 21.5%

YoY: ▲ 0.95| 28.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

10.6%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

2025

156

tỷ VNĐ

YoY: ▼3.00| -2.1%

LN sau thuế

2025

14.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.60| -10.1%

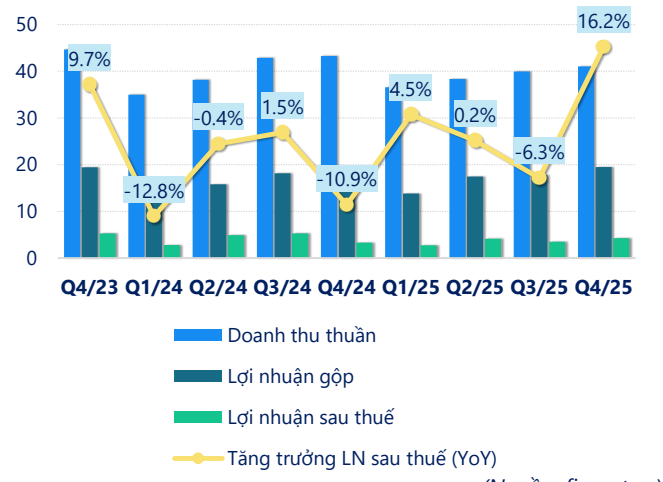
ROE

2025

5.9%

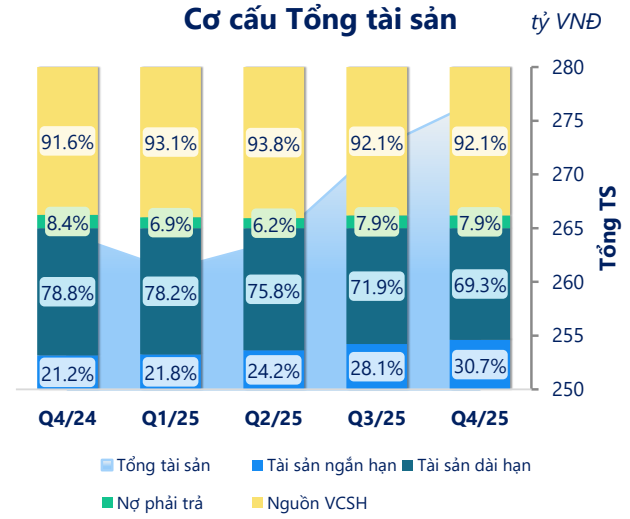
+/- YoY: ▼ 0.8%

Kết quả kinh doanh



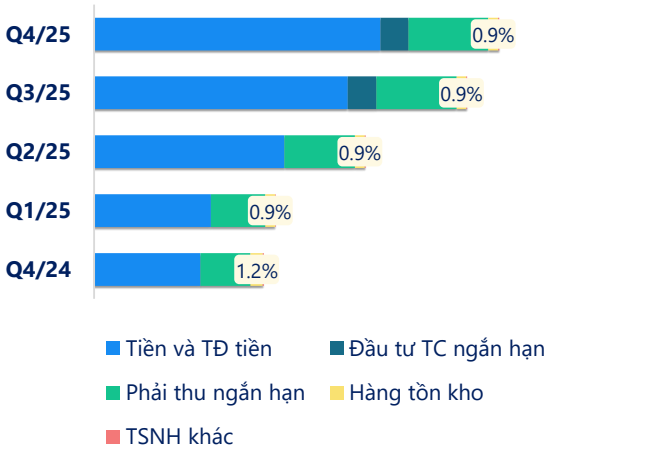
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



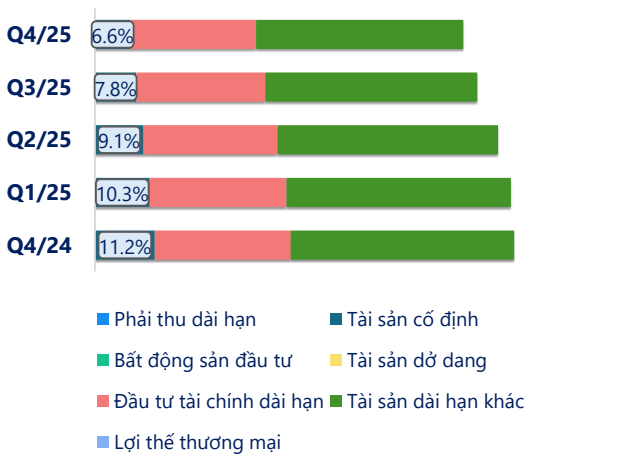
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



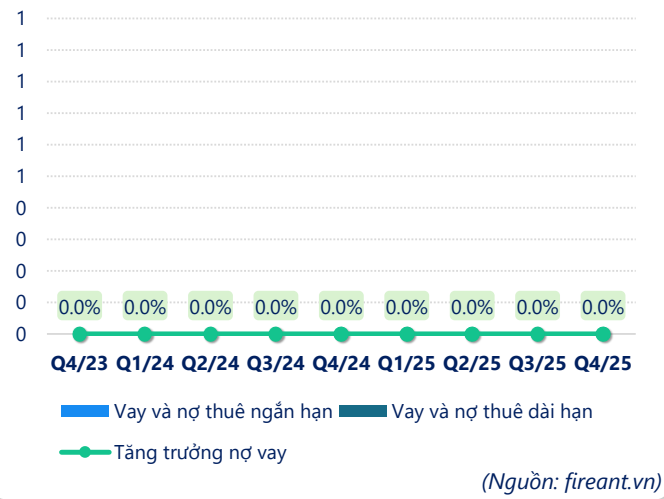
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



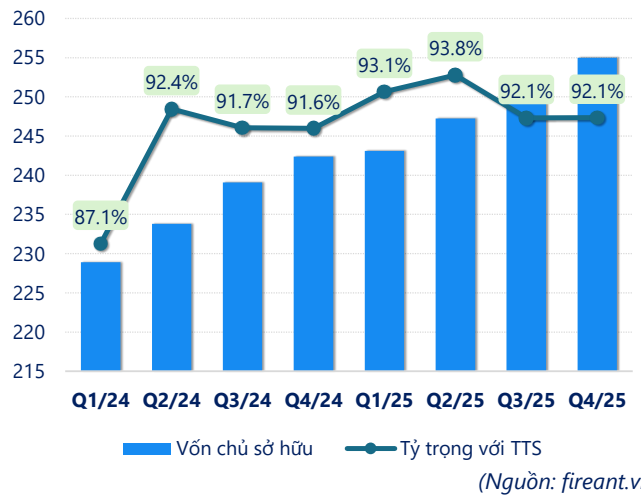
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



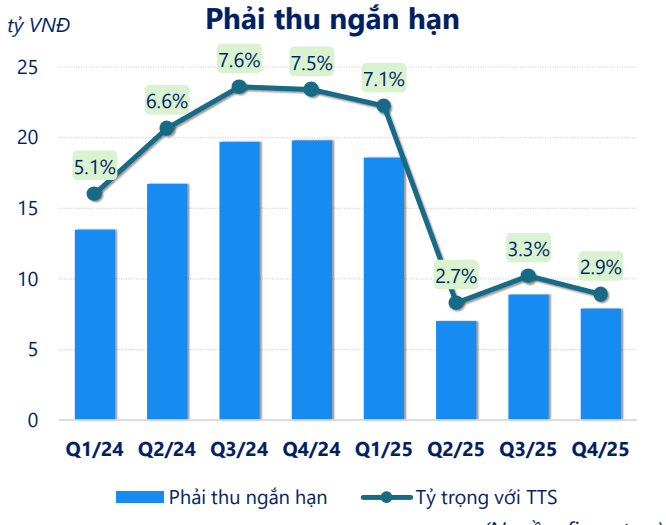
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



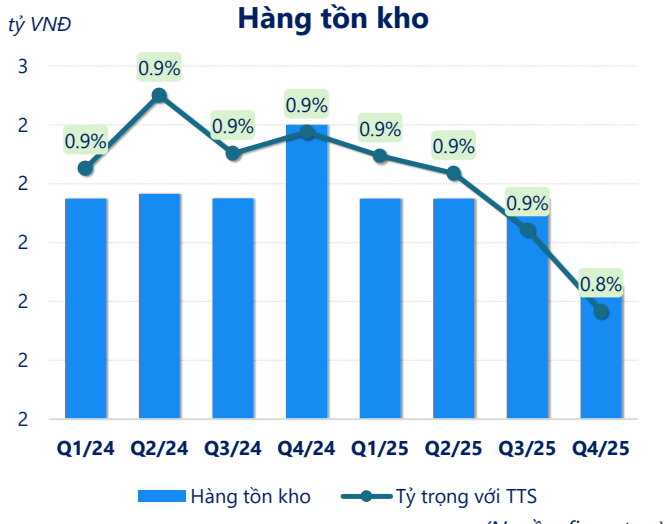
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



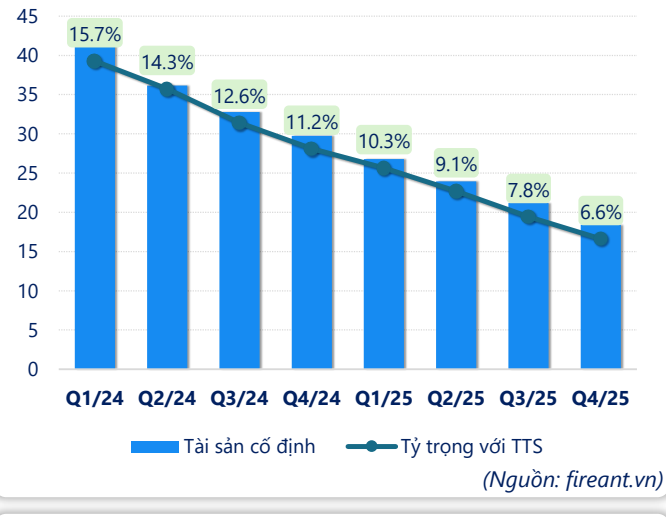
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



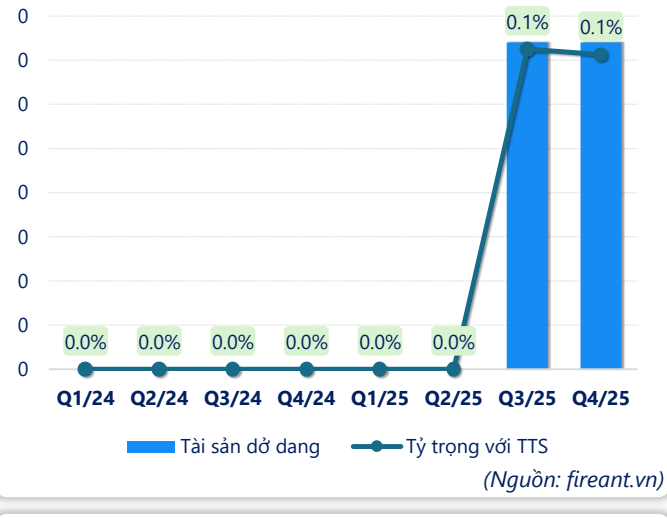
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



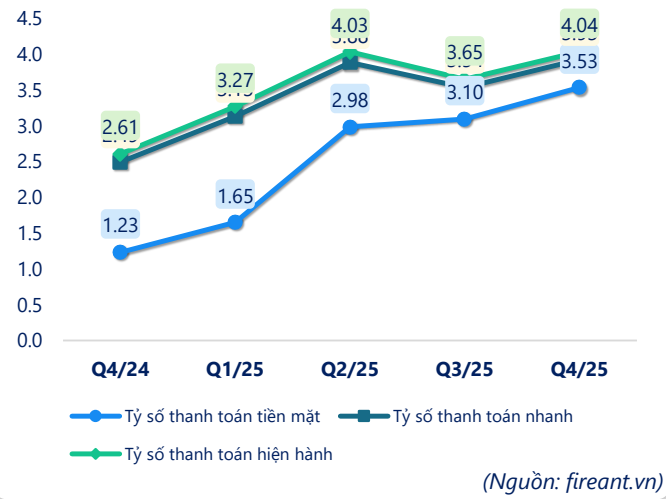
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



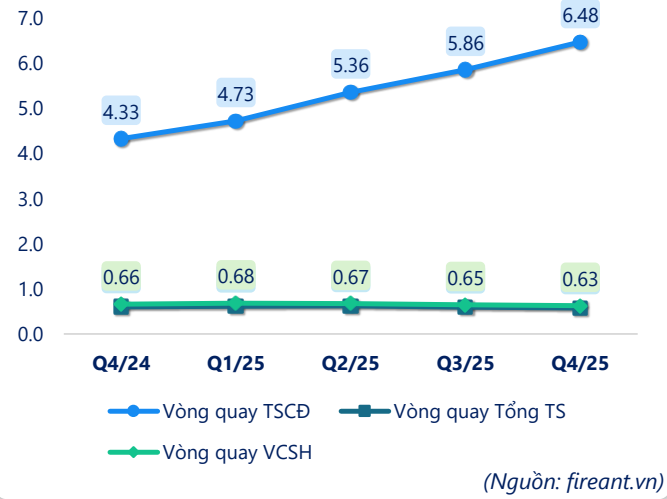
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**264**	**261**	**264**	**272**	**277**
Tài sản ngắn hạn	**56.0**	**56.8**	**63.8**	**76.6**	**85.2**
Tiền và tương đương tiền	26.4	28.7	47.2	65.0	74.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.00	7.00	7.00	0	0
Phải thu ngắn hạn	19.8	18.6	7.01	8.90	7.89
Hàng tồn kho	2.45	2.39	2.39	2.39	2.31
Tài sản ngắn hạn khác	0.29	0.18	0.20	0.37	0.36
Tài sản dài hạn	**208**	**204**	**200**	**196**	**192**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	29.7	26.8	23.9	21.2	18.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0.15	0.15
Đầu tư tài chính dài hạn	67.6	67.3	66.6	65.9	65.5
Tài sản dài hạn khác	111	110	109	109	108
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**22.1**	**18.0**	**16.5**	**21.6**	**22.0**
Nợ ngắn hạn	**21.5**	**17.4**	**15.8**	**21.0**	**21.1**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	3.36	3.25	2.36	3.42	2.75
Nợ dài hạn	0.65	0.65	0.65	0.65	0.88
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**242**	**243**	**247**	**251**	**255**
Vốn chủ sở hữu	**242**	**243**	**247**	**251**	**255**
Vốn điều lệ	121	121	121	121	121
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)